

QUYẾT ĐỊNH số 35/2002/QĐ-BKHCNMT
ngày 25/6/2002 về việc công bố
Danh mục Tiêu chuẩn Việt Nam
về môi trường bắt buộc áp dụng.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 16 Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 1 năm 1994;

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;

Căn cứ Điều 22 Nghị định số 175/CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/5/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng.

Điều 2. Trong trường hợp tại Danh mục quy định ở Điều 1 có nhiều Tiêu chuẩn Việt Nam quy định cho cùng một đối tượng thì các thông số và nồng độ chất ô nhiễm không được quy định trong các Tiêu chuẩn Việt Nam mới ban hành sẽ được áp dụng theo các Tiêu chuẩn Việt Nam ban hành trước đó cũng nằm trong Danh mục này.

Điều 3. Phương pháp lấy mẫu, phân tích, tính toán, xác định từng thông số và nồng độ cụ thể

được quy định trong các Tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.

Điều 4. Tổ chức, cá nhân người Việt Nam, tổ chức, cá nhân người nước ngoài có trách nhiệm thực hiện các tiêu chuẩn liên quan nêu tại Điều 1 của Quyết định này trong việc xây dựng dự án và triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2003./.

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ
và Môi trường
Thủ trưởng

PHẠM KHÔI NGUYỄN

DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM
VỀ MÔI TRƯỜNG

(ban hành kèm theo Quyết định số 35/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 25/6/2002).

A. Các tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng không khí:

1. TCVN 5937 - 1995 - Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh.

2. TCVN 5938 - 1995 - Chất lượng không khí - Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

3. TCVN 5939 - 1995 - Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

4. TCVN 5940 - 1995 - Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ.

5. TCVN 6560 : 1999 - Chất lượng không khí - Khí thải lò đốt chất thải rắn y tế - Giới hạn cho phép.

6. TCVN 6438 : 2001 - Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải.

7. TCVN 6991 : 2001 - Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong khu công nghiệp.

8. TCVN 6992 : 2001 - Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong vùng đô thị.

9. TCVN 6993 : 2001 - Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong vùng nông thôn và miền núi.

10. TCVN 6994 : 2001 - Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong khu công nghiệp.

11. TCVN 6995 : 2001 - Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong vùng đô thị.

12. TCVN 6996 : 2001 - Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong vùng nông thôn và miền núi.

B. Các tiêu chuẩn liên quan đến tiếng ồn:

1. TCVN 5949 - 1998 - Âm học - Tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư - Mức ồn tối đa cho phép.

2. TCVN 5948 - 1999 - Âm học - Tiếng ồn phương tiện giao thông đường bộ phát ra khi tăng tốc độ - Mức ồn tối đa cho phép.

C. Các tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng nước:

1. TCVN 5942 - 1995 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước mặt.

2. TCVN 5943 - 1995 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước biển ven bờ.

3. TCVN 5944 - 1995 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước ngầm.

4. TCVN 5945 - 1995 - Nước thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải.

5. TCVN 6772 : 2000 - Chất lượng nước - Nước thải sinh hoạt - Giới hạn ô nhiễm cho phép.

6. TCVN 6773 : 2000 - Chất lượng nước - Chất lượng nước dùng cho thủy lợi.

7. TCVN 6774 : 2000 - Chất lượng nước - Chất lượng nước ngọt bảo vệ đời sống thủy sinh.

8. TCVN 6980 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước sông dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

9. TCVN 6981 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

10. TCVN 6982 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước sông dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước.

11. TCVN 6983 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước hồ dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước.

12. TCVN 6984 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước sông dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.

13. TCVN 6985 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước hồ dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.

14. TCVN 6986 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước biển ven bờ dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.

15. TCVN 6987 : 2001 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước biển ven bờ dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước.

D. Các tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng đất:

1. TCVN 5941 - 1995 - Chất lượng đất - Giới hạn tối đa cho phép của dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất.

E. Các tiêu chuẩn liên quan đến rung động:

1. TCVN 6962 : 2001 - Rung động và chấn động - Rung động do các hoạt động xây dựng và sản xuất công nghiệp - Mức độ tối đa cho phép đối với môi trường khu công cộng và dân cư./.

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 85/2002/QĐ-BTC ngày 01/7/2002 ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tài chính, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Ủy quyền cho Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp làm chủ tài khoản và quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2002 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị các Tổng công ty 91, các đơn vị thuộc hệ thống tài chính, Kho bạc nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

TRẦN VĂN TÁ

QUY CHẾ Quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 85/2002/QĐ-BTC ngày 01/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi tắt là Quỹ